



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~214~~ /TBHH-TCTBĐATHHVN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ~~26~~ tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra luồng
cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại

BDH - 06 - 2022

Vùng biển: Tỉnh Bình Định.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ Đơn đề nghị số 115/ĐN-CTN ngày 21/9/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu CTN_2209, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 9 năm 2022.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vũng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 01) được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1	13°46'27,0"N	109°14'52,9"E	13°46'23,3"N	109°14'59,3"E
A2	13°46'28,1"N	109°14'54,5"E	13°46'24,4"N	109°15'01,0"E
A1'	13°46'26,8"N	109°14'55,4"E	13°46'23,0"N	109°15'01,9"E
A2'	13°46'25,7"N	109°14'53,8"E	13°46'22,0"N	109°15'00,3"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,0 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 02) được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1'	13°46'26,8"N	109°14'55,4"E	13°46'23,0"N	109°15'01,9"E
A2'	13°46'25,7"N	109°14'53,8"E	13°46'22,0"N	109°15'00,3"E
A12	13°46'23,3"N	109°14'57,8"E	13°46'19,6"N	109°15'04,2"E

A10	13°46'22,3"N	109°14'56,1"E	13°46'18,5"N	109°15'02,6"E
-----	--------------	---------------	--------------	---------------

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,2 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A2	13°46'28,1"N	109°14'54,5"E	13°46'24,4"N	109°15'01,0"E
A3	13°46'32,3"N	109°15'01,0"E	13°46'28,6"N	109°15'07,5"E
A4	13°46'30,9"N	109°15'03,0"E	13°46'27,2"N	109°15'09,5"E
A5	13°46'27,9"N	109°15'04,7"E	13°46'24,1"N	109°15'11,2"E
A12	13°46'23,3"N	109°14'57,8"E	13°46'19,6"N	109°15'04,2"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A8	13°46'19,0"N	109°14'59,9"E	13°46'15,2"N	109°15'06,4"E
A9	13°46'18,9"N	109°14'58,4"E	13°46'15,2"N	109°15'04,9"E
A10	13°46'22,3"N	109°14'56,1"E	13°46'18,5"N	109°15'02,6"E
A11	13°46'23,0"N	109°14'57,2"E	13°46'19,3"N	109°15'03,7"E

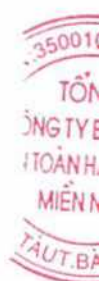
- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,4 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A5	13°46'27,9"N	109°15'04,7"E	13°46'24,1"N	109°15'11,2"E
A6	13°46'25,1"N	109°15'06,2"E	13°46'21,4"N	109°15'12,7"E
A7	13°46'19,5"N	109°15'08,1"E	13°46'15,8"N	109°15'14,5"E
A8	13°46'19,0"N	109°14'59,9"E	13°46'15,2"N	109°15'06,4"E
A11	13°46'23,0"N	109°14'57,2"E	13°46'19,3"N	109°15'03,7"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9 m.

6. Trong phạm vi khảo sát vùng quay tàu đường kính 210 m, tâm O tại vị trí có tọa độ:



Tên Điểm	Hệ toạ độ VN-2000		Hệ toạ độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
O	13°46'26,2"N	109°14'57,5"E	13°46'22,5"N	109°15'04,0"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần Cảng Thị Nai⁽¹⁾.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P. ATHH_{Đạt}.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

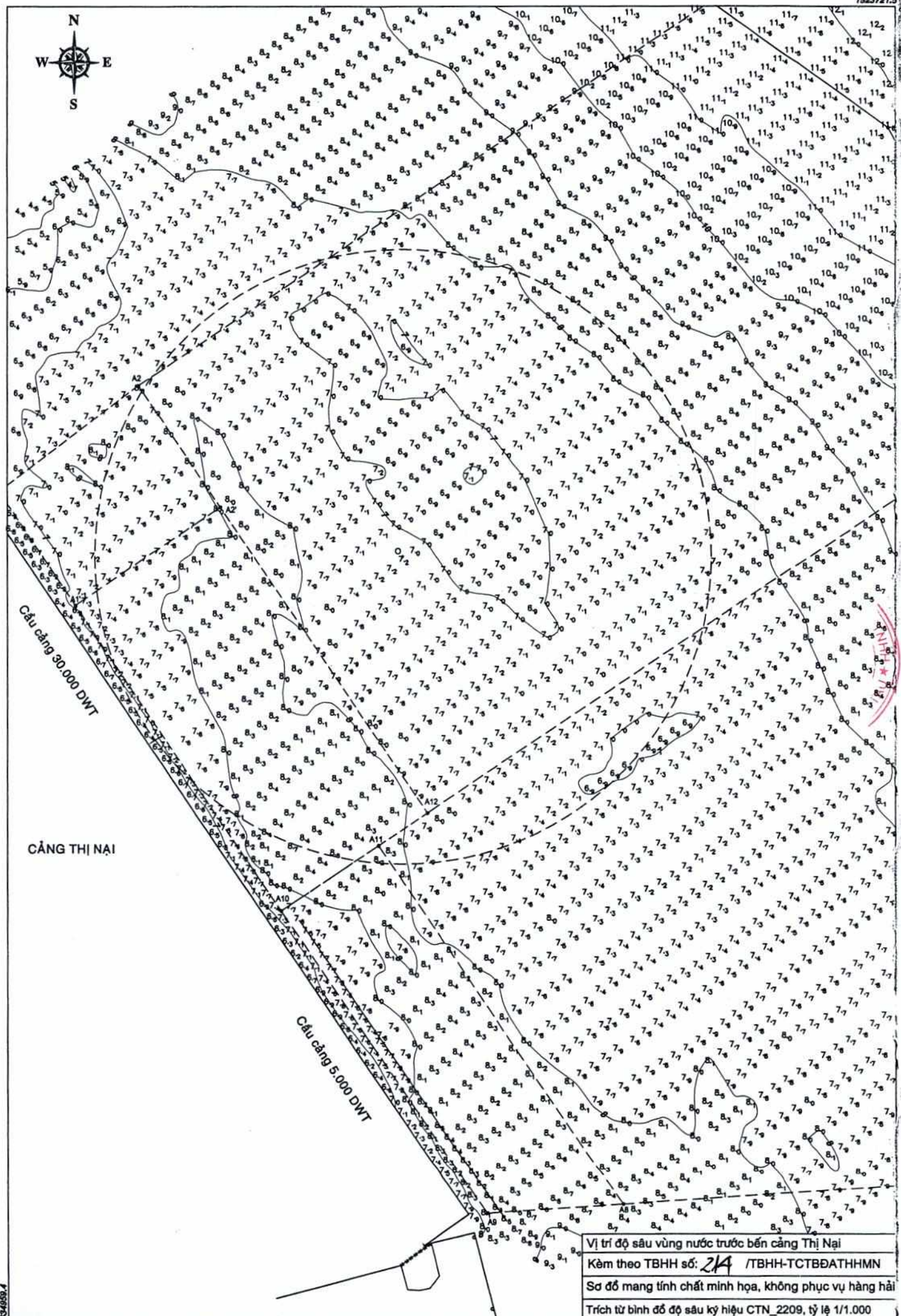


Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|---|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1 Bộ Tư lệnh Hải quân 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam 3 Chi Cục Đường sông phía Nam 4 Cục Cảnh sát biển 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS) 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO) - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC) - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC) - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE) - Cty CP VT biển & Hợp tác LB Q tế (INLACO SAIGON) - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART) | <ol style="list-style-type: none"> 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) 13 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh 14 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển 16 Cty Vận tải Thủy Bắc 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn 19 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM 21 Cảng Sài Gòn 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí 23 Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ 27 Sở GTVT tỉnh Bình Định 28 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định 29 Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định 30 Công ty Cổ phần Cảng Thị Nai |
|---|--|

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



Vị trí độ sâu vùng nước trước bến cảng Thị Nại
 Kèm theo TBHH số: 214 /TBHH-TCTBĐATHHMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu CTN_2209, tỷ lệ 1/1.000